

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/DS-ST
Ngày: 23-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hải Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Xuân.

Ông Vy Văn Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Mã Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2024, về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 23/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1956. Địa chỉ: Số A, đường X, khu A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Hoàng Văn P, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

2. Bà Nông Thị T, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1957. Địa chỉ: Số A, đường X, khu A, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 3 năm 2024, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Vợ chồng bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Thông L1 bán vật liệu xây dựng trên địa bàn huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Cuối năm 2019, đầu năm 2020 vợ chồng ông Hoàng Văn P và bà Nông Thị T đến mua vật liệu để xây dựng nhà, cụ thể như sau:

Ngày 28/12/2019, lấy gạch lát nền loại 80cm x 80cm, cho diện tích 67,2m² nhân đơn giá 220.000 đồng/m² là 14.784.000 đồng; gạch lát nền loại 60cm x 60cm, cho diện tích cho 46,08m² nhân đơn giá 160.000 đồng/m² là 7.373.000 đồng; gạch ốp loại 30cm x 60cm, cho diện tích 40m² nhân đơn giá 120.000 đồng/m² là 4.800.000 đồng; gạch lát nền loại 30cm x 30cm, cho 10m² nhân đơn giá 100.000 đồng/m² là 1.000.000 đồng; gạch lát nền loại 60cm x 60cm, cho diện tích 5,4m² nhân đơn giá 160.000 đồng/m² là 864.000 đồng; công cắt gạch 60 với tổng 60 mạch x 4.000 đồng/01 mạch là 240.000 đồng; xi trắng 10kg x 15.000 đồng/01 kg là 150.000 đồng.

Ngày 31/12/2019, mua 01 quạt thông gió trị giá 230.000 đồng/cái. Ngày 04/01/2020, mua các loại vật liệu xây dựng phục vụ xây nhà với tổng số tiền là 34.373.000 đồng. Cùng ngày hai bên chốt tổng số nợ đến ngày 04/01/2020 là 63.714.000 đồng.

Ngày 07/01/2020, mua vật liệu với tổng giá trị là 1.124.000 đồng; ngày 15/01/2020, mua gạch ốp loại 30cm x 60cm, cho diện tích 10,8m² nhân đơn giá 120.000 đồng/m² là 1.296.000 đồng.

Ngày 01/3/2020, mua 5000 viên ngói đỏ Quảng Ninh có giá 7.000 đồng/viên = 35.000.000 đồng và 100 viên ngói bò có giá 18.000 đồng/viên thành tiền là 1.800.000 đồng. Đồng thời cùng ngày 01/3/2020, hai bên chốt tổng số tiền nợ là 103.034.000 đồng và hẹn hết tháng 4/2020 thì trả tiền nhưng ông Hoàng Văn P, bà Nông Thị T không trả tiền hàng đúng hạn. Sau đó ông Hoàng Văn P xin gia hạn trả tiền nhiều lần và được nguyên đơn đồng ý. Lần gia hạn cuối cùng nhất là ngày 15/9/2022, ông Hoàng Văn P viết giấy cam đoan hẹn đến ngày 06/9/2022 âm lịch sẽ trả hết (tương ứng là ngày 01/10/2022 dương lịch), nhưng vợ chồng ông Hoàng Văn P vẫn không trả tiền mua hàng như đã hẹn mà cố tình trốn tránh không thanh toán.

Do đó, tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu ông Hoàng Văn P và bà Nông Thị T có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền hàng còn nợ là 103.034.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 02/10/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 23/8/2024, là 22 tháng 22 ngày theo lãi suất 10%/năm (tương đương 10.303.400đồng/năm hoặc 858.616đồng/tháng hoặc 28.620đồng/ngày), tương ứng số tiền lãi 19.519.000 đồng. Tổng số tiền ông Hoàng Văn P và bà Nông Thị T có nghĩa vụ liên đới phải trả là 103.034.000 đồng + 19.519.000 đồng = 122.553.000 đồng.

Về án phí nguyên đơn là người cao tuổi nên đề nghị được miễn án phí.

Ông Nguyễn Thanh L nhất trí với trình bày của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Hoàng Văn P, bà Nông Thị T không hợp tác nên không có văn bản trình bày ý kiến.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký, nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của mình. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 357, 410, 440, 468 Bộ luật Dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn trả tiền mua vật liệu còn nợ 103.034.000 đồng và tiền lãi 10%/năm, kể từ ngày 02/10/2022 đến ngày xét xử; các bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền còn phải chịu lãi theo điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Về án phí căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thông báo thụ lý vụ án xác bà Nông Thị T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo đơn khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bà Nông Thị T phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền mua vật liệu xây dựng cùng chồng là ông Hoàng Văn P, đồng thời nguyên đơn đề nghị Tòa án xác định lại bà Nông Thị T là bị đơn trong vụ án. Xét thấy, theo trình bày của nguyên đơn trong thời gian từ tháng 12/2019 đến tháng 3/2020, vợ chồng bà Nông Thị T và ông Hoàng Văn P đến mua vật liệu tại cửa hàng của nguyên đơn để về xây nhà đến nay còn nợ tiền chưa trả nên đề nghị của nguyên đơn là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận và xác định lại tư cách đương sự của bà Nông Thị T là bị đơn trong vụ án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt các bị đơn ông Hoàng Văn P, bà Nông Thị T. Xét thấy, ông Hoàng Văn P, bà Nông Thị T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai, do đó căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[3] Về yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn ông Hoàng Văn P và bà Nông Thị T có nghĩa vụ liên đới thanh toán tổng số tiền 122.553.000 đồng, gồm số tiền mua hàng còn nợ 103.034.000 đồng và tiền lãi 10%/năm với thời gian 22 tháng 22 ngày, tương đương số tiền lãi 19.519.000 đồng.

[4] Xét thấy, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày từ tháng 12/2019 đến tháng 3/2020, nguyên đơn bán các loại vật liệu xây dựng cho vợ chồng ông Hoàng Văn P, bà Nông Thị T để xây nhà, với tổng số tiền 103.034.000 đồng. Xét lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn nộp là các giấy chốt nợ có chữ ký xác nhận của ông Hoàng Văn

P, với nội dung: “Hôm nay ngày 15/9/2022 tôi là Hoàng Văn P vợ là Nông Thị T ... nợ tiền vật liệu làm nhà của bà Nguyễn Thị C ... tổng số tiền là 103.034.000 đồng, tôi hẹn ngày 06/9/2022 âm lịch trả hết ...”. Do đó, có căn cứ xác định bị đơn còn nợ tiền mua vật liệu xây dựng của nguyên đơn với tổng số tiền 103.034.000 đồng.

[5] Về yêu cầu trả lãi: Xét thấy, khi nợ tiền mua vật liệu 103.034.000 đồng thì các bên không có thoả thuận về trả lãi trên số tiền chậm trả, sau khi nợ tiền mua hàng ông Hoàng Văn P xin gia hạn trả tiền nhiều lần và được nguyên đơn đồng ý, do vậy trong thời gian này ông Hoàng Văn P chưa vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Theo nội dung giấy chốt nợ lần cuối ngày 15/9/2022, ông Hoàng Văn P hẹn ngày 06/9/2022 âm lịch trả hết (tương ứng là ngày 01/10/2022 dương lịch) nhưng khi đến hạn vẫn không trả được, do vậy xác định ngày 01/10/2022, là ngày ông Hoàng Văn P vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Do đó, yêu cầu trả lãi của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự.

[6] Xét thấy, ông Hoàng Văn P và bà Nông Thị T đăng ký kết hôn tại UBND xã H ngày 01 tháng 3 năm 2007, do vậy là vợ chồng hợp pháp. Theo sổ bán hàng, giấy chốt nợ chỉ thể hiện người mua hàng là ông Hoàng Văn P, tuy nhiên việc ông Hoàng Văn P mua vật liệu xây dựng là về để xây nhà phát triển khối tài sản chung của vợ chồng, theo quy định tại các Điều 24, 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình, thì vợ chồng phải có nghĩa vụ chung đối với khoản nợ này.

[7] Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Hoàng Văn P, bà Nông Thị T, không hợp tác nên không cung cấp tài liệu, chứng cứ, không có văn bản trình bày ý kiến để phản biện lại các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, từ các phân tích, lập luận ở trên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị đơn ông Hoàng Văn P và bà Nông Thị T có nghĩa vụ liên đới trả tổng số tiền 122.553.000 đồng cho nguyên đơn.

[8] Về nghĩa vụ chịu án phí: Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

[9] Về ý kiến giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định ở trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 163, Điều 357, Điều 410, Điều 430, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ vào Điều 24, Điều 27, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 271; Điều 273 của Bộ

luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Hoàng Văn P, bà Nông Thị T có nghĩa vụ liên đới trả bà Nguyễn Thị C tổng số tiền 122.553.000 đồng (một trăm hai mươi hai triệu năm trăm năm mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Ông Hoàng Văn P, bà Nông Thị T, phải chịu 6.127.000 đồng (sáu triệu một trăm hai mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Hải Đoàn